

Số: ...22.../QĐ-ĐV-ĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
Ngành Y sỹ Đa khoa - Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy khóa 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẠI VIỆT TP. HCM

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Y sỹ Đa khoa - Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy khóa 2022, (đính kèm chương trình đào tạo).

Điều 2. Các Trưởng/Phó phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như Điều 2 (để th/hiện);
- Lưu VT, Phòng ĐT-CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lê Thị Bích Thảo



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm Quyết định số.../QĐ-ĐV-ĐT ngày... tháng... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Đại Việt TP. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề : Y sỹ Đa khoa
Mã ngành, nghề : 5720101
Trình độ đào tạo : Trung cấp
Hình thức đào tạo : Chính quy
Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp THPT Quốc gia; THCS

tham gia dự tuyển, xét tuyển vào Trường Trung cấp Đại Việt TP. Hồ Chí Minh theo quy định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và theo đề án tuyển sinh riêng của trường.

Thời gian đào tạo : 02 năm (04 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Học xong chương trình này, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để trở thành người cán bộ y tế, có khả năng quản lý, khám và điều trị một số bệnh thông thường theo quy định, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, có thể học lên bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về:
 - + Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người;
 - + Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.
- Trình bày được Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường;
- Phát hiện sớm và xử lý ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở;
- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng;
- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở;

- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch;

- Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở;

1.2.3. Về thái độ

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc tại các bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun : 32 môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học : 60 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương : 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn : 1560 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 425 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1338 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thực tập/Trắc nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I.	Các môn học chung					
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	14	0	1
MH 03	Giáo dục thể chất		30	4	24	2
MH 04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh		45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
II.	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/Trắc nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH 07	Giải phẫu - Sinh lý	2	30	28	0	2
MH 08	Vi sinh - Ký sinh trùng	1	15	13	0	2
MH 09	Dược lý	2	30	28	0	2
MH 10	Dinh dưỡng - VSATTP	1	15	13	0	2
MH 11	Điều dưỡng cơ bản và KTDD	2	45	15	25	5
MH 12	Vệ sinh phòng bệnh	1	15	13	0	2
MH 13	Kỹ năng giao tiếp và GDSK	1	15	13	0	2
MH 14	Quản lý và tổ chức y tế	1	15	13	0	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
MH 15	Cấp cứu ban đầu	2	30	28	0	2
MH 16	Bệnh nội khoa	2	30	28	0	2
MH 17	Bệnh ngoại khoa	2	30	28	0	2
MH 18	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	2	30	28	0	2
MH 19	Sức khỏe trẻ em	1	15	13	0	2
MH 20	Sức khỏe sinh sản	1	15	13	0	2
MH 21	Bệnh chuyên khoa	1	15	13	0	2
MH 22	Y học cổ truyền	1	15	13	0	2
MH 23	Phục hồi chức năng	1	15	13	0	2
MH 24	Y tế cộng đồng	1	15	13	0	2

VÀ XÃ H
TRƯỜNG
RUNG C
ẠI VIỆ
HÀNH P
Ồ CHÍ M
198 *
*

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/Trắc nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH 25	Thực tập lâm sàng điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	3	135	0	135	0
MH 26	Thực tập lâm sàng nội khoa	3	135	0	135	0
MH 27	Thực tập lâm sàng ngoại khoa	3	135	0	135	0
MH 28	Thực tập lâm sàng nhi khoa	3	135	0	135	0
MH 29	Thực tập lâm sàng sản phụ khoa	3	135	0	135	0
MH 30	Thực tập lâm sàng truyền nhiễm	3	135	0	135	0
MH 31	Thực tập Y tế cộng đồng	3	135	0	135	0
MH 32	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
TỔNG CỘNG		60	1815	425	1338	52
III.	Thi tốt nghiệp					
TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Ghi chú		
1	Giáo dục chính trị	Viết	90 phút			
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút			
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	Từ 20 - 30 phút/HS			

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

4.1. Các môn học chung nhà trường:

Đối với Xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể:

- Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học:

* Về giờ học:

- | | |
|------------------------------------------------------------------|-----------|
| - 1 giờ học lý thuyết | = 45 phút |
| - 1 giờ học thực hành/tích hợp/TT lâm sàng | = 60 phút |
| - 1 ĐVHT lý thuyết | = 15 giờ |
| - 1 ĐVHT thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận,..) | = 30 giờ |
| - 1 ĐVHT thực hành (tại bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế...) | = 45 giờ |

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường;

* Tổ chức cho sinh viên thực hành, thực tập theo quy định tại các bệnh viện/nhà thuốc/cơ sở y tế theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra thi xét, công nhận tốt nghiệp.



* Sau mỗi năm học hoặc sau mỗi khóa học, Nhà trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm:

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá linh hoạt khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4.

Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1.

(2). Điểm kiểm định kỳ: Hệ số 2.

→ Điểm TB điểm kiểm tra = [Điểm hệ số 1 + (Điểm hệ số 2 x 2)] / tổng hệ số

Điểm TB điểm kiểm tra đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

* **Điểm thi kết thúc môn:** Trọng số 0,6

* **Cách tính điểm TB môn:**

Điểm TB môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

→ Điểm TB môn = [Điểm TB điểm kiểm tra x 0,4] + [Điểm thi kết thúc môn x 0,6]

Điểm TB môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

Ghi chú: Học sinh sinh viên (HSSV) được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;

- Tham dự đầy đủ 100% thời gian học thực hành và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

4.4. Ôn thi, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

HSSV phải học hết chương trình đào tạo ngành Y sỹ Đa khoa và tích lũy đủ số học phần trong chương trình mới được thi tốt nghiệp. Khoa Y Dược có trách nhiệm tổ chức ôn và thi tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy học phần của HSSV, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho HSSV.

Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh.